

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: 73 Phạm Ngọc Thạch, phường 9, thành phố Tuy Hòa

Tel: 0257.3843015; Fax: 0257.3843015

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 144

YC: 69

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1510525/QTTNMT-NT

Ngày 10/6/2025

1. Tên mẫu thử: NƯỚC THẢI

2. Số lượng mẫu: 01

3. Nơi gửi mẫu/yêu cầu: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH PHÚ YÊN.

4. Thông tin mẫu:

- Đơn vị lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Thí nghiệm - Trung tâm Quan trắc TN&MT.

- Thời gian lấy mẫu: Ngày 27/05/2025

5. Kí hiệu mẫu:

NT-BVT₁-61: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 300 m³/ngày đêm (Tọa độ: X= 1449790; Y= 586483).

6. Kết quả:

TT	Thông số	Phương pháp đo đặc, phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B, K=1)
				NT-BVT ₁ -61	
6.1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,80	6,5-8,5
6.2	TSS ^(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	<5,0	100
6.3	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	18,79	50
6.4	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	34,46	100
6.5	NH ₄ ⁺ ^(*)	TCVN 5988:1995	mg/l	10,09	10
6.6	PO ₄ ³⁻ ^(*)	SMEWW 4500-P.E:2017	mg/l	0,49	10
6.7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S) ^(*)	TCVN 6637:2000	mg/l	<0,01	4,0
6.8	Coliforms ^(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1,2.10 ²	5000
6.9	Dầu, mỡ động thực vật ^(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,7	20
6.10	NO ₃ ⁻ ^(**)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	1,02	50
6.11	Salmonella ^(**)	TCVN 9717:2013	VK/100ml	KPH	KPH
6.12	Shigella ^(**)	SMEWW 9276:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.13	Vibrio cholerae ^(**)	SMEWW 9278:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(**)	TCVN 6053:2021	Bq/L	KPH (LOD=0,01)	0,1
6.15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(**)	TCVN 6219:2021	Bq/L	KPH (LOD=0,03)	1,0

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ngọc Như Son

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Minh

* Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Thông số có dấu (*) đã được chứng nhận VIMCERTS 144.

- Thông số có dấu (**): nhà thầu phụ, đã được chứng nhận VIMCERTS 039, ISO/IEC 17025:2017.

- Dấu (-) không quy định: - KPH: không phát hiện.

- Không được trích, sao một phần kết quả phân tích này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Sau 7 ngày kể từ ngày trả kết quả mẫu sẽ được thanh lý, mọi sự khiếu nại không được giải quyết.

- QCVN 28:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: 73 Phạm Ngọc Thạch, phường 9, thành phố Tuy Hòa

Tel: 0257.3843015; Fax: 0257.3843015

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 144

YC: 69

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 1520525/QTTNMT-NT

Ngày 10/6/2025

1. Tên mẫu thử: NƯỚC THẢI

2. Số lượng mẫu: 01

3. Nơi gửi mẫu/yêu cầu: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH PHÚ YÊN.

4. Thông tin mẫu:

- Đơn vị lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Thí nghiệm -Trung tâm Quan trắc TN&MT.

- Thời gian lấy mẫu: Ngày 27/05/2025

5. Kí hiệu mẫu:

NT-BVT₂-62: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 250 m³/ngày đêm (Tọa độ: X= 1449790; Y= 586483).

6. Kết quả:

TT	Thông số	Phương pháp đo đạc, phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B, K=1)
				NT-BVT ₂ -62	
6.1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,45	6,5-8,5
6.2	TSS ^(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	<5,0	100
6.3	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	11,14	50
6.4	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	18,61	100
6.5	NH ₄ ⁺ ^(*)	TCVN 5988:1995	mg/l	6,16	10
6.6	PO ₄ ³⁻ ^(*)	SMEWW 4500-P.E:2017	mg/l	0,32	10
6.7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S) ^(*)	TCVN 6637:2000	mg/l	<0,01	4,0
6.8	Coliforms ^(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1,4.10 ²	5000
6.9	Dầu, mỡ động thực vật ^(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,4	20
6.10	NO ₃ ⁻ ^(**)	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	1,20	50
6.11	Salmonella ^(**)	TCVN 9717:2013	VK/100ml	KPH	KPH
6.12	Shigella ^(**)	SMEWW 9276:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.13	Vibrio cholerae ^(**)	SMEWW 9278:2023	VK/100ml	KPH	KPH
6.14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(**)	TCVN 6053:2021	Bq/L	KPH (LOD=0,01)	0,1
6.15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(**)	TCVN 6219:2021	Bq/L	KPH (LOD=0,03)	1,0

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ngọc Như Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Minh

* Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Thông số có dấu (*) đã được chứng nhận VIMCERTS 144.

- Thông số có dấu (**): nhà thầu phụ, đã được chứng nhận VIMCERTS 039, ISO/IEC 17025:2017.

- Dấu (-) không quy định; - KPH: không phát hiện.

- Không được trích, sao một phần kết quả phân tích này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Sau 7 ngày kể từ ngày trả kết quả mẫu sẽ được thanh lý, mọi sự khiếu nại không được giải quyết.

- QCVN 28:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.